

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

MÔN CƠ SỞ: VIỆT NGỮ HỌC

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC

1. Yêu cầu

1.1. Đề cương tập trung vào các nội dung chính của môn Việt ngữ học nhằm giúp thí sinh cao học có thông tin cơ bản để ôn tập và chuẩn bị kiến thức tốt cho kỳ thi tuyển sinh đầu vào cao học ngành Ngôn ngữ học được tổ chức tại Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

1.2. Đề cương này cũng nhằm giúp cho cán bộ ra đề thi môn cơ sở Việt ngữ học có được những hướng ra đề sát với nội dung ôn tập, dựa trên nguyên tắc là ra đề mang tính trọng tâm sát với chuyên ngành Ngôn ngữ học.

2. Nội dung

1. Ngữ âm học

1.1. Âm tiết: ranh giới - cấu trúc - số lượng

1.2. Âm đầu: đặc trưng khu biệt - sự thể hiện trên chữ viết

1.3. Âm đệm: đặc trưng khu biệt - sự thể hiện trên chữ viết - phân bố

1.4. Âm chính: đặc trưng khu biệt - sự thể hiện trên chữ viết - phân bố

1.5. Âm cuối: đặc trưng khu biệt - sự thể hiện trên chữ viết - phân bố - Tương tác giữa âm chính và âm cuối

1.6. Thanh điệu: đặc trưng khu biệt - phân bố

2. Từ vựng - ngữ nghĩa học

2.1. Các đơn vị từ vựng: từ - khái niệm từ trong ngôn ngữ học đại cương và trong Việt ngữ học

2.2. Cấu tạo từ và các đơn vị từ vựng trong tiếng Việt: Từ đơn - Từ phức (từ ghép và từ láy) - Ngữ cố định - Ngữ tự do - Thành ngữ (phân biệt với tục ngữ) - Quán ngữ

2.3. Nghĩa của từ và vật quy chiếu (vật sở chỉ): Các loại ý nghĩa của từ ngữ - Nghĩa biểu niệm - Nét nghĩa - Điển mẫu - Nghĩa liên hệ - Nghĩa liên tưởng - Các biểu thức ngôn ngữ có nghĩa & các biểu thức ngôn ngữ có vật quy chiếu

2.4. Quan hệ nghĩa giữa các đơn vị từ vựng trong hệ thống: Phân biệt với quan hệ nghĩa cú pháp - Đồng nghĩa. Đồng nghĩa và khả năng thay thế - Trái nghĩa và các kiểu trái nghĩa - Bao nghĩa - Tổng phân nghĩa - Giao nghĩa - Trường từ vựng

2.5. Các phương thức chuyển nghĩa của từ: Ẩn dụ - Hoán dụ.

2.6. Hiện tượng đa nghĩa và đồng âm

2.7. Các lớp từ vựng (phân biệt với từ loại): Từ vay mượn / Từ thuần Việt. Từ Hán Việt và từ gốc Hán - Phương ngữ (phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội)

2.8. Các loại nghĩa của câu: Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn - Nghĩa biểu hiện và nghĩa lôgic ngôn từ

2.9. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu: Quan hệ phỏng nghĩa - Quan hệ mâu thuẫn - Quan hệ tương phản trên - Quan hệ tương phản dưới - Quan hệ kéo theo

2.10. Vai nghĩa: Khái niệm - Các loại sự tình - Các loại vai nghĩa: tham tố, diễn tố, chu tố - Các vai nghĩa phổ biến

2.11. Nghĩa hàm ẩn, tiền giả định và hàm ý

2.12. Hội thoại và phân tích hội thoại

3. Từ pháp học

3.1. Căn cứ phân định từ loại và hệ thống từ loại tiếng Việt

3.2. Danh từ: Đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp - Khả năng kết hợp - Chức năng cú pháp - Các cách phân loại thường gặp

3.3. Động từ: Đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp - Phân loại

3.4. Tính từ: Đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp - Phân loại - Vấn đề vị từ trong tiếng Việt

3.5. Đại từ: Đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp - Phân loại

3.6. Phụ từ: Đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp - Phân loại

3.7. Quan hệ từ: Đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp - Phân loại

3.8. Tình thái từ: Đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp - Phân loại

3.9. Hiện tượng chuyển loại của từ

4. Cú pháp học

4.1. Ngữ đoạn: Khái niệm - Phân loại - Các kiểu quan hệ cú pháp - Mô tả quan hệ cú pháp trong ngữ đoạn bằng sơ đồ

4.2. Ngữ danh từ: Phần trung tâm - Phần phụ trước - Phần phụ sau

4.3. Ngữ động từ: Phần trung tâm - Phần phụ trước - Phần phụ sau

4.4. Ngữ tính từ: Phần trung tâm - Phần phụ trước - Phần phụ sau

4.5. Câu: Khái niệm - Một số đặc trưng cơ bản

4.6. Thành phần câu: Thành phần thuộc khung câu - Thành phần nòng cốt của câu - Thành phần phụ của câu - Thành phần ngoài khung câu

4.7. Phân loại câu theo cấu trúc ngữ pháp: Câu đơn - Câu ghép

4.8. Cách thức mô tả cấu trúc cú pháp của câu

3. Tài liệu tham khảo chính

Cao Xuân Hạo (chủ biên) 1998. *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt* (quyển 1). *Câu trong tiếng Việt: cấu trúc – nghĩa – công dụng*. Hà Nội: Giáo dục.

Cao Xuân Hạo (chủ biên) (2005). *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt* (quyển 2). *Ngữ đoạn và từ loại*. Hà Nội: Giáo dục.

Dư Ngọc Ngân (2002). *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt (Phần Từ loại)*. Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh (lưu hành nội bộ).

Đinh Văn Đức (1986). *Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)*. Hà Nội: Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

Đoàn Thiện Thuật (1999). *Ngữ âm tiếng Việt*. Hà Nội: Giáo dục.

Hoàng Dũng - Bùi Mạnh Hùng (2007). *Giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học*. Hà Nội: Đại học Sư phạm.

Nguyễn Tài Cẩn (1981). *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng – Từ ghép – Đoản ngữ*. Hà Nội: Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

Nguyễn Thiện Giáp (1999). *Từ vựng học tiếng Việt*. Hà Nội: Giáo dục.

Vương Hữu Lễ - Hoàng Dũng (1994). *Giáo trình ngữ âm tiếng Việt*. Hà Nội: Giáo dục.

4. Cấu trúc đề thi

Đề thi gồm từ 4 đến 5 câu (mỗi câu 2 điểm hay 2,5 điểm) bao quát tất cả bốn phần (Ngữ âm học, Từ vựng - Ngữ nghĩa học, Từ pháp học và Cú pháp học), vừa có lý thuyết vừa có thực hành.